

# ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN

## TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM TP.HCM KHOA CÔNG NGHỆ CƠ KHÍ

1. Tên môn học (hoặc học phần): **An toàn lao động**
2. Mã môn học (hoặc học phần): **0330001072**
3. Số tiết (hoặc số tín chỉ): **30**
4. Hệ đào tạo: **Cao đẳng**

### Chương 1

#### KHÁI NIỆM VỀ CÔNG TÁC BẢO HỘ LAO ĐỘNG

**Câu 1: Mục đích của công tác bảo hộ lao động là:**

- a. Đảm bảo an toàn thân thể người lao động.
- b. Bảo đảm người lao động mạnh khỏe, không bị mắc bệnh nghề nghiệp do điều kiện lao động không tốt gây ra.
- c. Bồi dưỡng phục hồi kịp thời và duy trì sức khỏe cho người lao động.

**d. Cả 3 câu a,b,c đều đúng [<br>]**

**Câu 2: Ý nghĩa của công tác bảo hộ lao động bao gồm các ý nghĩa nào sau đây:**

- a. Ý nghĩa chính trị. Ý nghĩa xã hội. Ý nghĩa kinh tế.**
- b. Ý nghĩa về khoa học công nghệ.
- c. Ý nghĩa chính trị, pháp luật
- d. Cả 3 câu a,b,c đều đúng [<br>]

**Câu 3: Tính chất của công tác bảo hộ lao động là:**

- a. Tính pháp luật.
- b. Tính khoa học, công nghệ.
- c. Tính quần chúng.

**d. Tất cả các câu trên đều đúng [<br>]**

**Câu 4: Các tính chất của công tác bảo hộ lao động có mối quan hệ với nhau:**

- a. Quan hệ hữu cơ với nhau, quan hệ hỗ trợ lẫn nhau.**
- b. Quan hệ hỗ trợ lẫn nhau, quan hệ tương tác.
- c. Quan hệ độc lập nhau.
- d. Cả a và c đều đúng [<br>]

**Câu 5: Các quy định về kỹ thuật bao gồm:**

- a. Quy phạm, quy trình, tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn. Các quy định về tổ chức, trách nhiệm và chính sách.**
- b. Tiêu chuẩn vệ sinh lao động trong quá trình lao động sản xuất.
- c. Các quy định về tổ chức lao động.
- d. Cả 3 câu a,b,c đều đúng [<br>]

**Câu 6: Bảo hộ lao động mang tính pháp luật thể hiện ở tất cả các quy định về:**

- a. Quy phạm, quy trình, tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn.
- b. Tiêu chuẩn vệ sinh lao động trong quá trình lao động sản xuất.
- c. Các quy định về tổ chức lao động.

**d. Cả 3 câu a,b,c đều đúng [<br>]**

**Câu 7: Bảo hộ lao động mang tính khoa học công nghệ bao gồm:**

- a. Quy phạm, quy trình, tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn
- b. Tiêu chuẩn vệ sinh lao động trong quá trình lao động sản xuất
- c. Khoa học kỹ thuật về bảo hộ lao động gắn liền với khoa học công nghệ sản xuất.**

d. Cả 3 câu a,b,c đều đúng [<br>]

**Câu 8: Công tác bảo hộ lao động mang tính khoa học công nghệ phụ thuộc rất lớn vào:**

- a. Trình độ công nghệ sản xuất của xã hội.**
- b. Các quy định về tổ chức lao động.
- c. Quy phạm, quy trình, tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn.
- d. Tiêu chuẩn vệ sinh lao động trong quá trình lao động sản xuất [<br>]

**Câu 9: Tính quần chúng của công tác bảo hộ lao động thể hiện ở các khía cạnh sau:**

- a. Quần chúng lao động là những người trực tiếp thực hiện quy phạm, quy trình.
- b. Biện pháp kỹ thuật an toàn, cải thiện điều kiện làm việc..

**c. Cả a và b đều đúng.**

d. Cả a và b đều sai. [<br>]

**Câu 10: Công tác bảo hộ lao động bao gồm những nội dung chủ yếu sau:**

- a. Tiêu chuẩn vệ sinh lao động trong quá trình lao động sản xuất.
- b. Kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động, các chính sách, chế độ bảo hộ lao động.**
- c. Các quy định về tổ chức lao động.
- d. Cả 3 câu a,b,c đều đúng [<br>]

**Câu 11: Nội dung kỹ thuật an toàn chủ yếu gồm những vấn đề sau đây:**

- a. Xác định vùng nguy hiểm.
- b. Xác định các biện pháp về quản lý, tổ chức và thao tác làm việc đảm bảo an toàn.
- c. Sử dụng các thiết bị an toàn thích ứng: thiết bị che chắn, thiết bị phòng ngừa, thiết bị bảo hiểm, tín hiệu, báo hiệu, trang bị bảo vệ cá nhân...

**d. Tất cả các câu trên đều đúng [<br>]**

**Câu 12: Nội dung chủ yếu của vệ sinh lao động bao gồm:**

- a. Xác định khoảng cách an toàn về vệ sinh.
- b. Xác định các yếu tố có hại về sức khỏe.
- c. Biện pháp về sinh học, vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường.

**d. Cả a và b,c đều đúng. [<br>]**

**Câu 13: Các biện pháp về kỹ thuật vệ sinh là:**

- a. Kỹ thuật thông gió, điều hòa nhiệt độ, chống bụi, khí độc, kỹ thuật chống tiếng ồn và rung sóc, kỹ thuật chiếu sáng, kỹ thuật chống bức xạ, phóng xạ, điện từ trường.**
- b. Xác định vùng nguy hiểm.
- c. Xác định các biện pháp về quản lý, tổ chức và thao tác làm việc đảm bảo an toàn.
- d. Cả a và b,c đều đúng. [<br>]

**Câu 14: Các biện pháp kỹ thuật vệ sinh phải được quán triệt ngay từ khâu:**

- a. Thiết kế, xây dựng các công trình nhà xưởng.
- b. Tổ chức nơi sản xuất.
- c. Thiết kế, chế tạo các máy móc, thiết bị, quá trình công nghệ.

**d. Cả a và b,c đều đúng.** [<br>]

**Câu 15: Các chính sách, chế độ bảo hộ lao động chủ yếu bao gồm:**

- a. Các biện pháp kinh tế xã hội, tổ chức quản lý, cơ chế quản lý công tác lao động.
- b. Chế độ nhằm đảm bảo sử dụng sức lao động hợp lý, khoa học.
- c. Bồi dưỡng phục hồi sức lao động, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi.

**d. Tất cả các câu trên đều đúng** [<br>]

## **NÂNG CAO**

**Câu 16: Trong quá trình sản xuất phải thường xuyên quan tâm theo dõi các vấn đề nào sau đây:**

**a. Sự phát sinh các yếu tố có hại. Thực hiện các biện pháp bổ sung làm giảm các yếu tố có hại. Đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh cho phép.**

- b. Xác định vùng nguy hiểm.
- c. Xác định khoảng cách an toàn về vệ sinh.
- d. Cả a và b,c đều đúng. [<br>]

**Câu 17: Công tác bảo hộ lao động phụ thuộc rất lớn vào:**

- a. Trình độ công nghệ sản xuất của xã hội.
- b. Sự tiến bộ của khoa học công nghệ.
- c. Cả a và b đều đúng.**
- d. Cả a và b đều sai. [<br>]

**Câu 18: Người lao động là người trực tiếp thực hiện quy phạm, quy trình và các biện pháp kỹ thuật an toàn, cải thiện điều kiện làm việc. Vì vậy bảo hộ lao động mang tính:**

**a. Bảo hộ lao động mang tính quần chúng.**

- b. Bảo hộ lao động mang tính khoa học công nghệ.
- c. Bảo hộ lao động mang tính pháp luật.
- d. Cả a và b,c đều đúng. [<br>]

**Câu 19: Tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn có tính chất bắt buộc rất cao là:**

- a. Bảo hộ lao động mang tính quần chúng.
- b. Bảo hộ lao động mang tính khoa học công nghệ.
- c. Bảo hộ lao động mang tính pháp luật.**
- d. Cả a và b,c đều đúng. [<br>]

**Câu 20: Muốn thực hiện tốt công tác bảo hộ lao động chúng ta phải:**

- a. Tổ chức nghiên cứu khoa học kỹ thuật Bảo hộ lao động gắn liền với việc nghiên cứu cải tiến trang bị, cải tiến kỹ thuật công nghệ sản xuất.
- b. Nghiên cứu những vấn đề về kỹ thuật an toàn, cải thiện điều kiện làm việc...
- c. Nghiên cứu đưa vào chương trình tiến bộ kỹ thuật, công nghệ để huy động đông đảo cán bộ và người lao động tham gia.

**d. Cả a và b,c đều đúng.** [<br>]

## **Chương 2**

### **LUẬT PHÁP, CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH BẢO HỘ LAO ĐỘNG**

## CƠ BẢN

**Câu 21: Nghĩa vụ của người sử dụng lao động phải:**

- a. Hàng năm khi xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp phải lập kế hoạch, biện pháp an toàn lao động, vệ sinh lao động và cải thiện điều kiện lao động.**
- b. Chấp hành các quy định, nội quy về an toàn – vệ sinh lao động có liên quan đến công việc, nhiệm vụ được giao.
- c. Cả a và b đều sai.
- d. Cả a và b đều đúng [**<br>**]

**Câu 22: Người sử dụng lao động phải có trách nhiệm:**

- a. Thực hiện huấn luyện, hướng dẫn các tiêu chuẩn quy định, biện pháp an toàn vệ sinh lao động đối với người lao động.
- b. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo tiêu chuẩn chế độ quy định.
- c. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định khai báo, điều tra tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và định kỳ 6 tháng, hàng năm báo cáo kết quả tình hình thực hiện an toàn lao động, vệ sinh lao động, cải thiện điều kiện lao động...

**d. Tất cả đều đúng [**<br>**].**

**Câu 23: Người sử dụng lao động phải có trách nhiệm:**

- a. Phân công trách nhiệm và cử người giám sát việc thực hiện các quy định, nội quy, biện pháp an toàn lao động, vệ sinh lao động trong doanh nghiệp.
- b. Phối hợp với Công đoàn cơ sở xây dựng và duy trì sự hoạt động của mạng lưới an toàn viên và vệ sinh viên.

**c. Cả a và b đều đúng .**

d. Cả a và b đều sai [**<br>**].

**Câu 24: Quyền của người sử dụng lao động được:**

- a. Buộc người lao động phải tuân thủ các quy định, nội quy, biện pháp an toàn – vệ sinh lao động.
- b. Khen thưởng người chấp hành tốt và kỷ luật người vi phạm trong việc thực hiện an toàn – vệ sinh lao động.
- c. Khiếu nại với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quyết định của Thanh tra về an toàn – vệ sinh lao động, nhưng vẫn phải chấp hành các quyết định đó khi chưa có quyết định mới.

**d. Cả a và b,c đều đúng [**<br>**].**

**Câu 25: Chọn câu sai: Người sử dụng lao động phải có trách nhiệm:**

- a. Phân công trách nhiệm và cử người giám sát việc thực hiện các quy định, nội quy, biện pháp an toàn lao động, vệ sinh lao động trong doanh nghiệp.
- b. Phối hợp với Công đoàn cơ sở xây dựng và duy trì sự hoạt động của mạng lưới an toàn viên và vệ sinh viên.
- c. Chấp hành các quy định, nội quy về an toàn – vệ sinh lao động có liên quan đến công việc, nhiệm vụ được giao.**
- d. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo tiêu chuẩn chế độ quy định.

[<br>].

**Câu 26: Quyền của người lao động được yêu cầu người sử dụng lao động:**

- a. Bảo đảm điều kiện làm việc an toàn, vệ sinh cải thiện điều kiện lao động.
- b. Trang bị, cung cấp đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân.
- c. Huấn luyện, thực hiện biện pháp an toàn lao động, vệ sinh lao động.

**d. Cả a và b,c đều đúng [<br>].**

**Câu 27: Chọn câu sai : Quyền của người lao động được:**

- a. Yêu cầu người sử dụng lao động bảo đảm điều kiện làm việc an toàn, vệ sinh cải thiện điều kiện lao động.
- b. Yêu cầu người sử dụng lao động huấn luyện, thực hiện biện pháp an toàn lao động, vệ sinh lao động.

**c. Báo cáo kịp thời với người có trách nhiệm khi phát hiện nguy cơ gây tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, gây độc hại hoặc có sự cố nguy hiểm.**

**d. Tất cả đều đúng [<br>].**

**Câu 28: Chọn câu sai: Nghĩa vụ của người lao động phải:**

- a. Phải sử dụng và bảo quản các phương tiện bảo vệ cá nhân đã được trang bị, các thiết bị an toàn – vệ sinh nơi làm việc.
- b. Nếu làm mất, làm hư hỏng thì phải bồi thường.

**c. Từ chối làm công việc hoặc dời bỏ nơi làm việc, khi thấy nguy cơ xảy ra tai nạn**

**lao động, đe dọa nghiêm trọng tính mạng**

- d. Tham gia cấp cứu và khắc phục hậu quả tai nạn lao động khi có lệnh của người sử dụng lao động. [<br>].

**Câu 29: Công đoàn là tổ chức đại diện cho:**

**a. Người lao động.**

b. Người sử dụng lao động.

c. Đại diện cho pháp luật.

**d. Tất cả đều đúng [<br>].**

**Câu 30: Trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức Công đoàn là:**

- a. Công đoàn cơ sở thay mặt người lao động ký thỏa ước lao động tập thể với người sử dụng lao động.
- b. Tiến hành kiểm tra việc chấp hành pháp luật, chế độ chính sách về bảo hộ lao động.
- c. Cử đại diện tham gia vào các đoàn điều tra tai nạn lao động.

**d. Tất cả đều đúng [<br>].**

**NÂNG CAO**

**Câu 31: Người lao động sẽ bị phạt tiền 200.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:**

- a. Không tuân thủ về an toàn lao động, nội quy lao động, vệ sinh lao động.
- b. Không sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động đã được trang bị.

**c. Cả a và b đều đúng.**

**d. Cả a và b đều sai [<br>].**

**Câu 32: Nếu vi phạm các quy định về an toàn lao động có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo Bộ Luật hình sự khi:**

- a. Vệ sinh lao động gây thiệt hại cho tính mạng.
- b. Gây thiệt hại nghiêm trọng cho sức khỏe người khác.

c. Gây tổn thất lớn về tài sản, của cải vật chất.

**d. Cả a và b,c đều đúng [<br>].**

**Câu 33: Khen thưởng, xử phạt về bảo hộ lao động là một yêu cầu không thể thiếu được nhằm làm cho:**

a. Luật pháp, chế độ, chính sách bảo hộ lao động được chấp hành thực hiện nghiêm chỉnh.

b. Động viên kịp thời những điển hình tốt.

c. Xử lý nghiêm và đúng những tập thể, cá nhân vi phạm các quy định về an toàn – vệ sinh lao động.

**d. Tất cả đều đúng. [<br>].**

**Câu 34: Xét khen thưởng và xử lý vi phạm về bảo hộ lao động và xem xét khen thưởng, kỷ luật trong hệ thống Công đoàn bao gồm:**

**a. Công đoàn tham gia với chính quyền.**

b. Công đoàn tham gia với đoàn thanh niên.

c. Người lao động và công đoàn.

d. Cả a và c đều đúng [<br>].

**Câu 35: Chọn câu sai: Khi thấy nguy cơ xảy ra tai nạn lao động, đe dọa nghiêm trọng tính mạng, sức khỏe của mình chúng ta phải làm gì?**

a. Từ chối làm công việc hoặc dời bỏ nơi làm việc.

**b. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định khai báo, điều tra tai nạn lao động.**

c. Từ chối trở lại nơi làm việc nói trên nếu những nguy cơ đó chưa được khắc phục.

d. Phải báo cáo ngay với người phụ trách trực tiếp [<br>].

### **Chương 3**

### **VỆ SINH LAO ĐỘNG**

#### **CƠ BẢN**

**Câu 36: Vệ sinh lao động là môn khoa học nghiên cứu ảnh hưởng của những yếu tố nào sau đây:**

a. Các yếu tố có hại trong sản xuất đối với sức khỏe người lao động tìm các biện pháp cải thiện điều kiện lao động.

b. Phòng ngừa các bệnh nghề nghiệp.

c. Nâng cao khả năng lao động cho người lao động.

**d. Tất cả các câu trên đều đúng [<br>].**

**Câu 37: Chọn câu sai: Nội dung của môn vệ sinh lao động bao gồm:**

a. Nghiên cứu đặc điểm vệ sinh của các quá trình sản xuất.

**b. Nghiên cứu việc chữa trị các loại bệnh nghề nghiệp.**

c. Nghiên cứu việc tổ chức lao động và nghỉ ngơi hợp lý.

d. Nghiên cứu các biến đổi sinh lý, sinh hóa của cơ thể. [<br>].

**Câu 38: Nghiên cứu các biện pháp để phòng tình trạng mệt mỏi trong lao động, hạn chế ảnh hưởng của các yếu tố tác hại nghề nghiệp trong sản xuất là các mục nào sau đây:**

a. Quy định các tiêu chuẩn vệ sinh, chế độ vệ sinh xí nghiệp và cá nhân, chế độ bảo

hộ lao động.

- b. Tổ chức khám tuyển và sắp xếp hợp lý công nhân vào làm ở các bộ phận sản xuất khác nhau trong xí nghiệp.
- c. Quản lý, theo dõi tình hình sức khỏe công nhân, tổ chức khám sức khỏe định kỳ, phát hiện sớm bệnh nghề nghiệp.

**d. Tất cả các câu trên đều đúng [<br>].**

**Câu 39: Chọn câu sai: Tác hại liên quan đến quá trình sản xuất là:**

- a. Tiếng ồn và độ rung.
- b. Bụi và các chất độc hại trong sản xuất.

**c. Thời gian làm việc liên tục và quá lâu, làm việc liên tục không nghỉ.**

- d. Điều kiện vi khí hậu trong sản xuất không phù hợp như: nhiệt độ, độ ẩm cao hoặc thấp, thoáng khí kém... [<br>].

**Câu 40: Tác hại liên quan đến tổ chức lao động là:**

- a. Thời gian làm việc liên tục và quá lâu, làm việc liên tục không nghỉ.
- b. Cường độ lao động quá cao không phù hợp với tình trạng sức khỏe công nhân.
- c. Sự hoạt động khẩn trương, căng thẳng quá độ của các hệ thống và giác quan như hệ thần kinh, thính giác, thị giác v.v...

**d. Tất cả các câu trên đều đúng [<br>].**

**Câu 41: Chọn câu sai: Các yếu tố vật lý và hóa học liên quan đến quá trình sản xuất là:**

- a. Tiếng ồn và độ rung.
- b. Điều kiện vi khí hậu trong sản xuất không phù hợp như: nhiệt độ, độ ẩm cao...

**c. Vi khuẩn, siêu vi khuẩn, ký sinh trùng và các nấm mốc gây bệnh.**

- d. Bụi và các chất độc hại trong sản xuất [<br>].

**Câu 42: Các tác hại liên quan đến điều kiện vệ sinh và an toàn bao gồm là:**

- a. Yếu tố vật lý và hóa học.**
- b. Bụi và các chất độc hại trong sản xuất.
- c. Yếu tố vi sinh vật.
- d. Cả a,c đều đúng [<br>].

**Câu 43: Thiếu hoặc thừa ánh sáng hoặc sắp xếp bố trí hệ thống chiếu sáng không hợp lý là các tác hại liên quan đến:**

- a. Tác hại liên quan đến quá trình sản xuất.
- b. Tác hại liên quan đến điều kiện vệ sinh và an toàn.**
- c. Tác hại liên quan đến tổ chức lao động.
- d. Cả a,b đều đúng [<br>].

**Câu 44: Phân xưởng chật chội và việc sắp xếp nơi làm việc lộn xộn, mất trật tự ngăn nắp.**

- a. Tác hại liên quan đến quá trình sản xuất.
- b. Tác hại liên quan đến điều kiện vệ sinh và an toàn.**
- c. Tác hại liên quan đến tổ chức lao động.
- d. Cả a,b đều sai [<br>].

**Câu 45: Thiếu thiết bị thông gió, chống bụi, chống nóng, chống tiếng ồn, chống hơi khí độc.**

- a. Tác hại liên quan đến quá trình sản xuất.
- b. Tác hại liên quan đến điều kiện vệ sinh và an toàn.**
- c. Tác hại liên quan đến tổ chức lao động.



d. Tác hại liên quan đến vệ sinh lao động [  
].

Câu 46: Dựa theo tính chất nghiêm trọng của tác hại nghề nghiệp và phạm vi tồn tại của nó rộng hay hẹp người ta còn phân các yếu tố tác hại nghề nghiệp ra làm mấy loại:

a. 2 loại.

b. 3 loại.

**c. 4 loại.**

d. 8 loại. [  
].

Câu 47: Nhà nước Việt Nam đã công nhận có bao nhiêu bệnh nghề nghiệp được bảo hiểm.

a. 32 loại.

**b. 21 loại.**

c. 28 loại.

d. 19 loại. [  
].

Câu 48: Các biện pháp đề phòng tác hại nghề nghiệp:

a. Biện pháp kỹ thuật công nghệ, biện pháp kỹ thuật vệ sinh.

b. Biện pháp phòng hộ cá nhân, biện pháp tổ chức lao động khoa học.

c. Biện pháp y tế bảo vệ sức khỏe.

**d. Tất cả a,b,c đều đúng [  
].**

Câu 49: Các biện pháp cải tiến hệ thống thông gió, hệ thống chiếu sáng v.v... nơi sản xuất cũng là những biện pháp góp phần cải thiện điều kiện làm việc là:

a. Biện pháp phòng hộ cá nhân.

**b. Biện pháp kỹ thuật vệ sinh.**

c. Biện pháp tổ chức lao động khoa học.

d. a,b,c đều đúng [  
].

Câu 50: Biện pháp cải tiến kỹ thuật, đổi mới công nghệ như: cơ giới hóa, tự động hóa, dùng những chất không độc hoặc ít độc thay dần cho những hợp chất có tính độc cao đó là:

**a. Biện pháp kỹ thuật công nghệ.**

b. Biện pháp kỹ thuật vệ sinh.

c. Biện pháp tổ chức lao động khoa học

d. Biện pháp phòng hộ cá nhân. [  
].

Câu 51: Vấn đề tăng năng suất lao động và chống mệt mỏi theo nguyên tắc 5s là:

**a. Dọn dẹp, sắp xếp, lau dọn, vệ sinh, kỷ luật.**

b. Tổ chức, sắp xếp, lau dọn, vệ sinh, kỷ luật.

c. Dọn dẹp, sắp xếp, tổ chức, vệ sinh, kỷ luật.

d. Cả a,b,c đều đúng [  
].

Câu 52: Vi khí hậu là trạng thái lý học của không khí trong khoảng không gian thu hẹp. Bao gồm các yếu tố nào sau đây:

a. Nhiệt độ, độ ẩm, bức xạ nhiệt.

**b. Nhiệt độ, độ ẩm, bức xạ nhiệt và vận tốc chuyển động không khí.**

c. Nhiệt độ, độ ẩm, vi khuẩn.

d. Nhiệt độ, độ ẩm, bức xạ nhiệt, tiếng ồn, rung động. [  
]

Câu 53: Chọn câu sai: Các biện pháp phòng chống vi khí hậu xấu:

a. Tổ chức sản xuất lao động hợp lý, phòng hộ cá nhân.

b. Quy hoạch nhà xưởng và các thiết bị, thông gió, làm nguội.

c. Thiết bị và quá trình công nghệ.

**d. Tất cả các câu đều sai [  
]**

Câu 54: Chọn câu sai:

a. Tiếng ồn cơ khí: trường hợp trực bị rơi mòn, độ cứng vững của hệ thống công nghệ kém.

**b. Tiếng ồn cơ khí: rèn, đập.**





c. Bệnh trên đường tiêu hoá v.v...

d. Tất cả các bệnh trên [<br>]

**Câu 67: Các biện pháp phòng chống bụi là:**

a. Thay đổi phương pháp công nghệ.

b. Đề phòng bụi cháy nổ.

c. Vệ sinh cá nhân.

d. Tất cả đều đúng [<br>]

**Câu 68: Các phương pháp kiểm tra bụi là:**

a. Phương pháp trọng lượng.

b. Phương pháp điện.

c. Phương pháp quang điện.

d. Tất cả đều đúng [<br>]

**Câu 69: Thiết bị lọc bụi làm cho hạt bụi bị mất động năng và rơi xuống dưới đây là:**

a. Thiết bị lọc bụi kiểu quán tính.

b. Thiết bị lọc bụi bằng điện.

c. Thiết bị lọc bụi kiểu ly tâm.

d. Buồng lắng bụi [<br>]

**Câu 70: Mục đích của thông gió là:**

a. Thông gió chống nóng.

b. Thông gió khử bụi và hơi độc.

c. Thông gió chống nóng và khử độc

d. Cả a,b đều đúng [<br>]

## **NÂNG CAO**

**Câu 71: Mục đích của việc chiếu sáng trong lao động phải đảm bảo:**

a. Không gây khó khăn trong khi tiến hành công việc.

b. Giữ được khả năng làm việc lâu hơn và không bị mệt mỏi.

c. Cả a,b đều đúng.

d. Cả a,b đều sai [<br>]

**Câu 72: Hiện nay có bao nhiêu dạng chiếu sáng trong quá trình làm việc và học tập:**

a. 2 dạng

b. 3 dạng.

c. 5 dạng.

d. 4 dạng [<br>]

**Câu 73: Chọn câu sai: Chiếu sáng nhân tạo bằng đèn nung sáng thường có ưu điểm gì:**

a. Đèn nung sáng rẻ tiền, dễ chế tạo, dễ bảo quản và sử dụng.

b. Phát sáng ổn định, không phụ thuộc vào nhiệt độ của môi trường.

c. Đèn nung sáng có khả năng phát sáng tập trung và cường độ lớn thích hợp cho chiếu sáng cục bộ.

d. Ánh sáng đèn nung sáng không phù hợp với tâm sinh lý của con người. [<br>]

**Câu 74: Đèn huỳnh quang có ưu điểm gì sau đây:**

a. Giá thành cao, sử dụng phức tạp hơn.

b. Hiệu suất phát sáng cao, thời gian sử dụng dài vì thế hiệu quả kinh tế cao.

c. Chỉ phát quang ổn định khi nhiệt độ trong không khí dao động trong khoảng 15÷35°C điện áp thay đổi khoảng 10% đã làm đèn không làm việc được.

d. Tất cả đều đúng [<br>]

**Câu 75: Thiết bị chiếu sáng có những nhiệm vụ nào sau đây:**

a. Phân bố ánh sáng phù hợp với mục đích chiếu sáng.

b. Bảo vệ cho mắt trong khi làm việc không bị quá chói do độ chói quá cao của nguồn sáng.

c. Bảo vệ nguồn sáng tránh va chạm, bị gió, mưa, nắng, bụi...

d. Tất cả đều đúng [<br>]

**Câu 76: Khi nhiễm xạ cấp tính thường có các triệu chứng nào sau đây:**

- a. Chức phận thần kinh trung ương bị rối loạn.
- b. Da bị bỏng, tẩy đỏ ở chỗ tia phóng xạ chiếu vào.
- c. Cơ quan tạo máu bị tổn thương nặng. Gầy, sút cân.
- d. Tất cả đều đúng [  
>]

**Câu 77: Nhiễm xạ trong một thời gian dài và thường có các triệu chứng nào sau đây:**

- a. Thần kinh bị suy nhược.
- b. Rối loạn các chức năng tạo máu.
- c. Có hiện tượng đục nhân mắt, ung thư da, ung thư xương.
- d. Tất cả đều đúng [  
>]

**Câu 78: Để bao vây vùng có điện từ trường, người ta thường dùng các biện pháp nào sau đây:**

- a. Dùng các màn chắn bằng những kim loại có độ dẫn điện cao..
- b. Vỏ máy cũng cần được nối đất.
- c. Cả a và b đều đúng.
- d. Cả a và b đều sai [  
>]

**Câu 79: Trong khi sử dụng các thiết bị cao tần cần chú ý các vấn đề nào sau đây:**

- a. Đề phòng điện giật, cần tuân thủ các quy tắc an toàn.
- b. Phần kim loại của thiết bị phải được nối đất.
- c. Các dây nối đất nên ngắn và không cuộn tròn thành nguồn cảm ứng.
- d. Cả 3 câu đều đúng [  
>]

**Câu 80: Khu dân cư, khu vực có người làm việc thường xuyên cường độ điện trường phải có giới hạn an toàn là:**

- |                      |                           |
|----------------------|---------------------------|
| <u>a.</u> Dưới 5kV/m | b. Từ 5 ÷ 10 (kV/m)       |
| c. Trên 10 (kV/m)    | d. Tất cả đều sai [<br>>] |

#### **Chương 4**

### **CÔNG TÁC KIỂM TRA KỸ THUẬT AN TOÀN VÀ BẢO HỘ LAO ĐỘNG**

#### **CƠ BẢN**

**Câu 81: Nguyên tắc và tiêu chuẩn để bố trí số lượng cán bộ kiểm tra kỹ thuật an toàn và bảo hộ lao động là dựa vào:**

- a. Dựa vào tính chất sản xuất.
- b. Điều kiện lao động phức tạp dễ xảy ra tai nạn lao động.
- c. Cả a và b đều đúng.
- d. Cả a và b đều sai [  
>]

**Câu 82: Nhiệm vụ của tổ chức chuyên trách kiểm tra kỹ thuật an toàn và bảo hộ lao động là:**

- a. Giúp giám đốc xí nghiệp tổ chức chỉ đạo việc thực hiện công tác bảo hộ lao động.
- b. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện qui phạm qui trình về kỹ thuật an toàn, ngăn chặn kịp thời tai nạn lao động.
- c. Cả a và b đều đúng
- d. Cả a và b đều sai [  
>]

**Câu 83: Quyền hạn của tổ chức chuyên trách kiểm tra kỹ thuật an toàn và bảo hộ lao động là:**

- a. Được tham dự các cuộc hội nghị lập và xét kế hoạch bảo hộ lao động.

- b. Được tham gia vào việc tiếp nhận những công trình mới xây dựng, mở rộng thêm.
- c. Được phát biểu ý kiến trong nhận xét thi đua khi xí nghiệp xét thi đua về thực hiện kế hoạch sản xuất của các đơn vị hoặc của cá nhân.
- d. Cả 3 câu đều đúng [<br>]

**Câu 84: Một số yêu cầu đối với cán bộ kiểm tra kỹ thuật an toàn là phải:**

- a. Nắm vững đường lối chính sách bảo hộ lao động của đảng và chính phủ về bảo hộ lao động.
- b. Nắm vững các qui phạm và các qui trình kỹ thuật an toàn của ngành nghề.
- c. Hiểu biết và làm tốt những vấn đề về nghiệp vụ khi thực hiện các công việc kiểm tra công tác lập kế hoạch bảo hộ lao động, tổ chức huấn luyện về bảo hộ lao động.
- d. Cả 3 câu đều đúng [<br>]

**Câu 85: Công tác kiểm tra của cán bộ kỹ thuật cần chú ý kiểm tra vào các giờ trọng điểm nào sau đây:**

- a. Đầu tuần, cuối tuần, đầu giờ, cuối giờ
- b. Trước ngày lễ, sau ngày lễ.
- c. Thời gian thực hiện kế hoạch nước rút.
- d. Cả 3 câu đều đúng [<br>]

## Chương 5

### NGUYÊN LÝ KỸ THUẬT AN TOÀN LAO ĐỘNG

#### CƠ BẢN

**Câu 86: Kỹ thuật an toàn là một hệ thống gồm có:**

- a. Các phương tiện kỹ thuật.
- b. Các thao tác làm việc
- c. Nội quy, qui trình, quy phạm.
- d. Cả a và b đều đúng [<br>]

**Câu 87: Phương tiện kỹ thuật bao gồm:**

- a. Máy móc, thiết bị, bộ phận, dụng cụ, chi tiết.
- b. Cách thức, trình tự làm việc.
- c. Nội quy, qui trình, quy phạm.
- d. Cả 3 câu đều đúng [<br>]

**Câu 88: Chọn câu sai: Các thao tác làm việc bao gồm:**

- a. Cách thức, trình tự làm việc.
- b. Nội quy, qui trình, quy phạm.
- c. Máy móc, thiết bị.
- d. Tất cả các câu đều đúng [<br>].

**Câu 89: Các bộ phận truyền động bao gồm là:**

- a. Trục máy, bánh răng, dây đai truyền.
- b. Ô tô, máy trục, tàu, gòong.
- c. Máy bay, tàu thủy.
- d. Tất cả các câu đều đúng [<br>].

**Câu 90: Các yếu tố nguy hiểm trong sản xuất là:**

- a. Các bộ phận truyền động và chuyển động.
- b. Các nguồn nhiệt.
- c. Nguồn điện.
- d. Tất cả các câu đều đúng [<br>].

**Câu 91: Sự nỗ lực của các bình chịu áp suất cao là:**

- a. Nổ vật lý
- b. Sự nổ của kim loại chảy lỏng.
- c. Nổ hóa chất
- d. Tất cả các câu đều đúng [<br>].

**Câu 92: Các biện pháp bảo đảm an toàn cho máy móc phải có:**

- a. Thiết bị che chắn.
- b. Thiết bị bảo hiểm hay thiết bị phòng ngừa.
- c. Tín hiệu, báo hiệu.
- d. Tất cả các câu đều đúng [<br>].

**Câu 93: Thiết bị bảo hiểm hay thiết bị phòng ngừa bao gồm có:**

- a. Hệ thống có thể tự động phục hồi lại.
- b. Hệ thống phục hồi lại khả năng làm việc bằng tay.
- c. Hệ thống phục hồi lại khả năng làm việc bằng cách thay thế cái mới.
- d. Tất cả các câu đều đúng [<br>].

**Câu 94: Chọn câu sai: Cơ cấu điều khiển bảo đảm an toàn bao gồm:**

- a. Tín hiệu, báo hiệu.
- b. Điều khiển từ xa và tự động hóa
- c. Khóa liên động.
- d. Phanh hãm [<br>].

**Câu 95: Khoảng cách bảo đảm an toàn bao gồm:**

- a. Khoảng cách an toàn về vệ sinh lao động.
- b. Khoảng cách an toàn giữa các phương tiện vận chuyển.
- c. Khoảng cách an toàn về điện, khoảng cách an toàn nổ mìn.
- d. Tất cả các câu đều đúng [<br>].

## Chương 6 AN TOÀN ĐIỆN

### CƠ BẢN

**Câu 96: Chọn câu sai: Các tai nạn về điện có thể xảy ra là do:**

- a. Điện giật và đốt cháy do điện.
- b. Hỏa hoạn, cháy nổ do điện.
- c. Do sử dụng điện áp thấp.
- d. Tất cả các câu đều sai [<br>].

**Câu 97: Các tình huống dẫn đến tai nạn điện giật là do:**

- a. Chạm điện trực tiếp.
- b. Chạm điện gián tiếp.
- c. Cả 2 tình huống trên đều đúng.
- d. Cả 2 tình huống trên đều sai. [<br>].

**Câu 98: Tác dụng của dòng điện đối với cơ thể người bao gồm những tác dụng nào sau đây:**

- a. Tác động nhiệt của dòng điện.
- b. Tác động điện phân của dòng điện.
- c. Tác động sinh học của dòng điện.
- d. Tất cả các câu đều đúng [<br>].

**Câu 99: Tỷ lệ tai nạn điện giật theo lứa tuổi nhiều nhất là:**

- a. Dưới 20 tuổi.
- b. 21 ÷ 30 tuổi.
- c. 31 ÷ 40 tuổi
- d. Trên 40 tuổi [<br>].

**Câu 100: Điện áp tiếp xúc (điện áp chạm) của con người với điện trong khu vực ướt cho phép thường là:**

- a.  $U_{txcp} = 50V$ .
- b.  $U_{txcp} = 25V$
- c.  $U_{txcp} = 12V$ .
- d. Cả 3 câu a,b và c cùng đúng [<br>]

**Câu 101: Dòng điện đi qua người và tỷ lệ phần trăm của dòng điện tổng đi qua tim theo đường nào là lớn nhất:**

- a. Từ tay qua tay.
- b. Từ tay trái qua chân.

c. Từ tay phải qua chân.

d. Từ chân sang chân.[<br>].

**Câu 102: Khi có người bị điện giật muốn tách nạn nhân ra khỏi nguồn điện ta có thể cắt được nguồn điện ta dùng các biện pháp nào sau đây:**

- a. Cắt các thiết bị đóng cắt gần nạn nhân nhất như công tắc, cầu dao, áp-tô-mát...
- b. Có thể dùng dao, búa, rìu v.v... có cán cách điện để chặt đứt dây dẫn điện.
- c. Cả câu a và b cùng đúng.
- d. Cả câu a và b cùng sai.[<br>].

**Câu 103: Cấp cứu nạn nhân bị điện giật ngay sau khi tách ra khỏi nguồn điện khi chưa mất tri giác ta cần phải làm các công việc nào sau đây:**

- a. Cần đặt nạn nhân ở nơi thoáng khí, yên tĩnh.
- b. Cấp tốc đi mời y, bác sỹ ngay.
- c. Chuyển người bị nạn đến cơ quan y tế gần nhất..
- d. Cả a và b,c cùng đúng[<br>].

**Câu 104: Quy tắc chung đảm bảo an toàn điện là các vấn đề nào sau đây:**

- a. Phải che chắn các thiết bị và bộ phận mang điện.
- b. Phải chọn đúng điện áp sử dụng và thực hiện nối đất.
- c. Nghiên chỉnh sử dụng các thiết bị, dụng cụ và bảo vệ khi làm việc.
- d. Tất cả các câu đều đúng [<br>].

**Câu 105: Các biện pháp chủ động để phòng xuất hiện tình trạng nguy hiểm có thể gây tai nạn do điện gây ra là:**

- a. Đảm bảo tốt cách điện của thiết bị.
- b. Đảm bảo khoảng cách an toàn, bao che, rào chắn các bộ phận mang điện.
- c. Sử dụng điện áp thấp, máy biến áp cách ly.Sử dụng tín hiệu, biển báo, khóa liên động.
- d. Tất cả các câu đều đúng [<br>].

**Câu 106: Chọn câu sai: Các biện pháp để ngăn ngừa, hạn chế tai nạn điện khi xuất hiện tình trạng nguy hiểm là:**

- a. Thực hiện nối dây trung tính bảo vệ. Thực hiện nối đất bảo vệ, cân bằng thế...
- b. Sử dụng máy cắt điện an toàn, thiết bị chống rò điện (máy cắt vi sai).
- c. Sử dụng tín hiệu, biển báo, khóa liên động.
- d. Sử dụng các phương tiện bảo vệ, dụng cụ phòng hộ [<br>].

**Câu 107: Các biện pháp chung nối đất bảo vệ thiết bị ta dùng biện pháp nào sau đây:**

- a. Nối đất làm việc.
- b. Nối đất an toàn (nối đất bảo vệ)
- c. Nối đất chống sét.
- d. Cả ba loại trên đều đúng [<br>].

**Câu 108: Nối đất chống sét ta có thể dùng biện pháp nào sau đây:**

- a. Nối đất tự nhiên, nối đất nhân tạo.
- b. Nối đất làm việc.
- c. Nối đất an toàn (nối đất bảo vệ).
- d. Cả ba loại trên đều đúng [<br>].

**Câu 109: Chọn câu sai: Khi nối đất nên tận dụng các kết cấu kim loại có sẵn trong đất như:**

- a. Móng bê-tông cốt thép.
- b. Ống nước hoặc dẫn các chất lỏng
- c. Ống dẫn những chất dễ cháy nổ.
- d. Cả ba loại trên đều sai [<br>].

**Câu 110: Chất lượng của trang bị nối đất có thể bị giảm do ảnh hưởng của các yếu tố nào sau đây:**

- a. Độ ẩm.
- c. Ăn mòn do hóa chất.

- b. Tác động cơ học
- d. Cả ba loại trên đều đúng [  
].

## Chương 7

### KỸ THUẬT AN TOÀN CƠ KHÍ

#### CƠ BẢN

**Câu 111: Mục đích chung của kỹ thuật an toàn cơ khí là:**

- a. Thấy được nguy cơ và nguyên nhân phát sinh tai nạn lao động khi sử dụng máy móc thiết bị.
- b. Phát hiện được những thiếu sót về mặt KTAT đối với một số máy móc, thiết bị.
- c. Kịp thời kiến nghị và đề xuất biện pháp giải quyết đối với đơn vị sử dụng.
- d. Cả a,b và c đều đúng [  
]

**Câu 112: Máy cơ khí thường có các bộ phận cơ bản cấu thành nào sau đây:**

- a. Nguồn động lực, bộ phận truyền động, phần máy công tác.
- b. Bộ phận chuyển động.
- c. Bộ phận gia công.
- d. Cả a,b và c đều đúng [  
]

**Câu 113: Máy gia công cơ khí thường các loại máy nào sau đây:**

- a. Máy tiện, máy phay, máy bào, máy chuốt.
- b. Máy chế biến nông sản.
- c. Máy cưa đĩa, máy cưa mâm, máy cưa vòng.
- d. Cả a,b và c đều đúng [  
]

**Câu 114: Máy tiện để gia công cơ khí thường là:**

- a. Dao chuyển động tịnh tiến lên xuống, phôi đứng yên.
- b. Dao tịnh tiến ngang dọc, phôi quay tròn tại chỗ.
- c. Dao quay tròn tại chỗ, phôi tịnh tiến ngang dọc lên xuống.
- d. Dao tịnh tiến lên xuống; phôi quay tròn; tịnh tiến ngang dọc. [  
]

**Câu 115: Chiều quay của dao quay tròn tại chỗ, phôi tịnh tiến ngang dọc lên xuống là đặc điểm của loại máy nào sau đây:**

- a. Máy tiện.
- b. Máy phay.
- c. Máy khoan.
- d. Máy xọc [  
]

**Câu 116: Dao phay tròn và tịnh tiến lên xuống là đặc điểm của loại máy nào sau đây:**

- a. Máy tiện.
- b. Máy phay.
- c. Máy khoan.
- d. Máy xọc [  
]

**Câu 117: Vùng nguy hiểm là khoảng không gian trong đó có các nhân tố nguy hiểm đối với sức khỏe và sự sống của con người xuất hiện là:**

- a. Một cách thường xuyên, chu kỳ hoặc bất ngờ.
- b. Thường theo chu kỳ.
- c. Hay một cách bất ngờ.
- d. Cả b và c đều đúng [  
]

**Câu 118: Đảm bảo an toàn cho người lao động trong quá trình sản xuất chúng ta cần phải làm**



**gì để giảm bớt vùng nguy hiểm:**

- a. Thu hẹp chúng, cách ly và vô hiệu hóa.
- b. Xác định được vùng nguy hiểm.
- c. Quan tâm thường xuyên đến sự nguy hiểm.
- d. Cả a,b và c đều đúng [

**Câu 119: Nguyên nhân gây ra tai nạn lao động khi sử dụng máy móc thiết bị thường phụ thuộc vào:**

- a. Chất lượng máy.
- b. Tính chất quy trình công nghệ.
- c. Việc tổ chức nơi sản xuất và trình độ lành nghề của người sử dụng
- d. Cả a,b và c đều đúng [

**Câu 120: Các nguyên nhân gây ra tai nạn lao động trong quá trình thiết kế thường là:**

- a. Không có các bộ phận an toàn, thiếu hệ thống tín hiệu.
- b. Không tính toán đầy đủ độ bền, độ cứng vững, khả năng chịu mài mòn, độ chịu ăn mòn bởi các hóa chất.
- c. Không tính đến các biện pháp chống rung động, chống tự tháo lỏng của các chi tiết.
- d. Tất cả các câu đều đúng [

**Câu 121: Chọn câu sai: Các nguyên nhân gây ra tai nạn lao động trong quá trình chế tạo máy thường là:**

- a. Không có các bộ phận an toàn, thiếu hệ thống tín hiệu.
- b. Vật liệu chế tạo không đúng với vật liệu mà trong bản thiết kế đã tính toán.
- c. Phương pháp chế tạo không đúng.
- d. Tất cả các câu đều sai [

**Câu 122: Chọn câu đúng: Các nguyên nhân gây ra tai nạn lao động trong quá trình thiết kế máy móc thiết bị thường là:**

- a. Máy móc, thiết bị không phù hợp với tầm vóc và thể lực của người điều khiển.
- b. Vật liệu chế tạo không đúng với vật liệu mà trong bản thiết kế đã tính toán.
- c. Phương pháp chế tạo không đúng.
- d. Tất cả các câu đều đúng [

**Câu 123: Chọn câu sai: Nguyên nhân gây ra tai nạn lao động do lắp đặt không tốt thường là:**

- a. Có khả năng tạo ra ứng suất quá lớn sẽ là nguyên nhân trực tiếp giảm độ chính xác của máy.
- b. Gây ra rung động sẽ dẫn đến làm nứt hoặc biến dạng các chi tiết máy.
- c. Việc bảo dưỡng và sửa chữa máy trong quá trình sử dụng không tốt.
- d. Tất cả các câu đều đúng [

**Câu 124: Những nguyên nhân gây ra tai nạn lao động do lắp đặt thường được biểu hiện:**

- a. Việc lắp đặt máy không tốt.
- b. Không thỏa mãn các yêu cầu về kỹ thuật an toàn và vệ sinh công nghiệp
- c. Cả a và b đều đúng.
- d. Cả a và b đều sai [

**Câu 125: Chọn câu sai: Bố trí máy móc thiết bị trong một xưởng cần phải thỏa mãn các điều**

**kiện nào sau đây:**

- a. Các máy khi làm việc phát sinh nhiều yếu tố nguy hiểm phải bố trí ở khu vực riêng.
- b. Các máy khi làm việc có độ rung mạnh cần phải được bố trí cách ly.
- c. Các máy phải bố trí tránh việc phân tán tư tưởng của người vận hành.
- d. Tất cả đều sai [  
>]

**Câu 126: Các nguyên nhân gây ra tai nạn do bảo quản và sử dụng thường là:**

- a. Không thỏa mãn các yêu cầu về kỹ thuật an toàn và vệ sinh công nghiệp.
- b. Máy móc thiếu các thiết bị an toàn hoặc không đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật an toàn mà vẫn sử dụng.
- c. Máy móc, thiết bị không phù hợp với tầm vóc và thể lực của người điều khiển.
- d. Tất cả đều đúng [  
>]

**Câu 127: Việc bảo dưỡng và sửa chữa máy trong quá trình sử dụng không tốt sẽ gây các tác hại nào sau đây:**

- a. Giảm nhanh tuổi thọ máy.
- b. Gây ra sự cố bất thường.
- c. Gây ra tai nạn không lường trước được.
- d. Tất cả đều đúng [  
>]

**Câu 128: Chọn câu sai: Các nguyên nhân gây ra tai nạn do bảo quản và sử dụng thường là:**

- a. Việc chấp hành các quy trình, quy phạm còn tùy tiện.
- b. Công nhân không được huấn luyện kỹ thuật an toàn đã sử dụng máy.
- c. Bắt máy làm việc quá tải.
- d. Cách bố trí máy bị phân tán tư tưởng của người vận hành. [  
>]

**Câu 129: Các yêu cầu an toàn khi đối với máy móc, thiết bị gồm có vấn đề nào sau đây:**

- a. Nối đất bảo vệ thiết bị điện.
- b. Tình trạng máy móc luôn ở trạng thái tốt.
- c. Định kỳ máy móc thiết bị phải được bảo dưỡng sửa chữa theo đúng kế hoạch.
- d. Tất cả đều đúng [  
>]

**Câu 130: Chọn câu sai: Các yêu cầu an toàn đối với máy móc, thiết bị gồm có vấn đề gì:**

- a. Các bộ phận chuyển động phải được bao che.
- b. Máy móc phải có đầy đủ các thiết bị an toàn.
- c. Chiều sáng cục bộ phải dùng đèn có điện áp 36V.
- d. Tất cả đều sai [  
>]

**Câu 131: Yêu cầu an toàn khi sử dụng máy chúng ta cần phải:**

- a. Huấn luyện về KTAT và sử dụng máy thành thạo theo đúng quy trình vận hành.
- b. Sử dụng trang bị phòng hộ cá nhân theo đúng như qui định.
- c. Tiến hành kiểm tra và chạy thử máy để phát hiện các hư hỏng.
- d. Cả a,b,c đều đúng [  
>].

**Câu 132: Trong quá trình gia công cấm không được:**

- a. Tiến hành các công việc sửa chữa khi máy đang hoạt động.
- b. Bỏ đi nơi khác hoặc làm việc khác khi máy chạy.
- c. Đưa tay vào khu vực nguy hiểm để kiểm tra kích thước, lấy phoi, tưới dầu..
- d. Tất cả đều đúng [  
>]

**Câu 133: Chọn câu sai: Tiến hành lau chùi sạch sẽ, bôi dầu và bơm dầu vào các bề mặt trượt**

**cần phải thực hiện khi:**

- a. Liên tục và thường xuyên kể cả khi máy đang chạy.
- b. Ngừng máy phải tắt máy, cắt cầu dao điện.
- c. Tiến hành bàn giao ca kíp, nghỉ lễ, tết..
- d. Tất cả đều đúng [  
>

**Câu 134: Các vật gia công có khối lượng bao nhiêu kg thì cần phải có phương tiện nâng chuyển (palăng điện, palăng xích...).**

- a. >10 kg
- b. > 20 kg
- c. < 20 kg.
- d. < 10 kg [  
>

**Câu 135: Định kỳ bảo dưỡng, sửa chữa hoặc các máy móc hỏng hóc bất thường thì công việc sửa chữa cần được tiến hành dựa trên những yêu cầu an toàn nào sau đây:**

- a. Phải có lệnh sửa chữa của quản đốc phân xưởng cơ điện.
- b. Phải ghi rõ nội dung sửa chữa.
- c. Phải giao cho những công nhân chuyên nghiệp hoặc đã qua đào tạo hướng dẫn.
- d. Tất cả đều đúng [  
>

## **NÂNG CAO**

**Câu 136: Trước khi sửa chữa máy và các bộ phận của máy thì phải làm gì:**

- a. Tách máy ra khỏi nguồn điện, treo bảng “Máy đang sửa chữa”.
- b. Tháo các đai truyền ra khỏi puli.
- c. Cả a và b đều đúng.
- d. Cả a và b đều sai [  
>

**Câu 137: Khi sửa chữa những loại máy trên 2000mm phải có:**

- a. Thang, dây đeo an toàn.
- b. Dàn giáo có lan can tay vịn chắc chắn.
- c. Hệ thống thang máy.
- d. Tất cả đều đúng [  
>

**Câu 138: Sau khi kết thúc sửa chữa hay điều chỉnh máy phải:**

- a. Kiểm tra lại toàn bộ thiết bị, lắp đặt các che chắn an toàn.
- b. Bàn giao cho công nhân vận hành chạy máy.
- c. Kiểm tra sơ bộ cho chạy máy.
- d. Cả 3 phương pháp trên [  
>

**Câu 139: Các thiết bị an toàn có tác dụng ngăn cách vùng nguy hiểm với công nhân trong quá trình sử dụng máy móc thường là:**

- a. Thiết bị bao che.
- b. Cơ cấu phòng ngừa.
- c. Tín hiệu an toàn.
- d. Cả 3 phương pháp trên [  
>

**Câu 140: Cơ cấu phòng ngừa sự cố của thiết bị có liên quan đến điều kiện an toàn của công nhân thường được chia thành bao nhiêu loại chính:**

- a. 3 loại
- b. 6 loại
- c. 5 loại.
- d. 4 loại .[  
>

**Câu 141: Các hệ thống phục hồi khả năng làm việc bằng cách thay mới thường là:**

- a. Chốt cắt, màng phòng nổ, đỉnh chì.
- b. Ly hợp ma sát, role nhiệt, role áp suất, ly hợp vấu, lò xo, van an toàn ...

- c. Trục vít rơi trên máy tiện...
- d. Cả 3 phương pháp trên [  
>]

**Câu 142: Các hệ thống phòng ngừa sự cố có thể tự động phục hồi lại khả năng làm việc khi các thông số đã giảm đến mức qui định bao gồm các loại nào sau đây:**

- a. Role nhiệt, role áp suất.
- b. Ly hợp ma sát, ly hợp vấu, lò xo.
- c. Van an toàn kiểu lò xo và đối trọng.
- d. Cả 3 phương pháp trên [  
>]

**Câu 143: Khóa liên động là cơ cấu có khả năng gì:**

- a. Loại trừ khả năng gây ra nguy hiểm cho người, thiết bị khi sử dụng máy không đúng qui trình thao tác .
- b. Phòng ngừa sự cố của thiết bị có liên quan đến điều kiện an toàn của công nhân.
- c. Che chắn vùng nguy hiểm của máy.
- d. Cả 3 phương pháp trên [  
>]

**Câu 144: Các loại tín hiệu an toàn dùng để:**

- a. Báo trước các sự cố có thể xảy ra để đề phòng.
- b. Giúp công nhân xác định nhanh chóng không nhầm lẫn các điều kiện an toàn để xử lý kịp thời.
- c. Cả a và b đều đúng.
- d. Cả a và b đều sai [  
>]

**Câu 145: Tín hiệu ánh sáng đỏ thường dùng báo tình trạng làm việc của máy khi:**

- a. Biểu thị sự nguy hiểm.
- b. Tín hiệu đề phòng, biểu thị sự cần thiết phải chú ý.
- c. Biểu thị sự an toàn.
- d. Tất cả đều đúng [  
>]

## Chương 8 AN TOÀN THIẾT BỊ CHỊU ÁP LỰC

### CO BẢ

**Câu 146: Các thiết bị chịu áp lực trong công nghiệp chủ yếu gồm loại chính nào sau đây:**

- a. Các thiết bị không bị đốt nóng gồm các bình chứa (ôxy, nitơ, amôniac...) các bình sinh khí axetylen, các ống dẫn hơi dẫn khí.
- b. Các thiết bị đốt nóng gồm lò hơi, nồi nấu, sấy, hấp...
- c. Cả a,b đúng
- d. Cả a,b sai [  
>]

**Câu 147: Cách phân biệt nồi hơi với các loại thiết bị khác là:**

- a. Thiết bị được đốt nóng bằng các loại nhiên liệu để sản xuất hơi dùng cho máy móc.
- b. Các loại thiết bị có thể tích đóng kín dùng để tiến hành các quá trình nhiệt học và hóa học (bình hấp, bình axetylen).
- c. Loại thiết bị chịu áp lực bằng kim loại có thể tích nhỏ (thường dưới 100 lít).
- d. Tất cả đều đúng [  
>]

**Câu 148: Thiết bị áp lực là thiết bị có áp suất do môi chất tác dụng lên:**

- a. Tác dụng lên phía trong.
- b. Tác dụng lên phía ngoài.

- c. Tác dụng cả phía trong và phía ngoài. d. Cả a,b,c đúng [  
].

**Câu 149: Các loại thiết bị có thể tích đóng kín dùng để tiến hành các quá trình nhiệt học và hóa học thường được gọi là gì:**

- a. Nồi hơi. b. Bình chịu áp lực  
c. Chai chịu áp lực. d. Cả a,b sai [  
].

**Câu 150: Tác dụng phá hoại khi thiết bị áp lực bị nổ vỡ thường gây ra hậu quả:**

- a. Khi bị nổ vỡ tác hại của nó gây ra rất lớn, có thể làm chết và bị thương nhiều người và sây đổ công trình.  
b. Khi bị nổ vỡ tác hại của nó gây ra hư hỏng thiết bị.  
c. Khi bị nổ vỡ tác hại của nó gây ra tiếng nổ lớn gây khó chịu cho người vận hành.  
d. Tất cả đều đúng [  
]

**Câu 151: Chọn câu sai: Cấm sử dụng áp kế trong các trường hợp:**

- a. Không có niêm chì, quá hạn kiểm tra, vỡ mặt kính.  
b. Kim không quay về chốt tựa khi ngắt hơi.  
c. Áp kế phải có thang đo thích hợp để khi chỉ áp suất kim di chuyển trong khoảng từ 1/3 đến 2/3 của thang.  
d. Tất cả đều sai [  
].

**Câu 152: Ống thủy tròn dùng cho nồi hơi có áp suất làm việc:**

- a.  $P \leq 15 \text{ kG/cm}^2$  b.  $P > 15 \text{ kG/cm}^2$   
c.  $P > 25 \text{ kG/cm}^2$  d.  $P \leq 10 \text{ kG/cm}^2$  [  
]

**Câu 153: Mỗi nồi hơi phải có ít nhất bao nhiêu ống thủy hoạt động độc lập:**

- a. 1 ống thủy. b. 2 ống thủy.  
c. 3 ống thủy. d. 4 ống thủy [  
]

**Câu 154: Trên ống thủy vạch dấu chỉ mức nước cao nhất và thấp nhất cho phép mức vạch này phải không được nhỏ hơn:**

- a. 25 mm b. 35mm  
c. 10 mm d. 50 mm [  
].

**Câu 155: Các yêu cầu đối với van an toàn là:**

- a. Phải được niêm chì, cấm xê dịch đối trọng hoặc xiết lò xo.  
b. Phải có ống thoát hơi ra ngoài phạm vi nhà lò.  
c. Phải được tính toán đúng theo yêu cầu qui phạm.  
d. Cả a,b và c đều đúng [  
]

**Câu 156: Khi áp suất quá qui định bao nhiêu % thì màng phòng nổ bị xé rách đảm bảo an toàn cho thiết bị:**

- a. Quá 25% áp suất làm việc. b. Quá 15% áp suất làm việc.  
c. Quá 50% áp suất làm việc. d. Quá 10% áp suất làm việc. [  
].

**Câu 157: Khai báo, đăng ký sử dụng các thiết bị áp lực với cơ quan thanh tra nồi hơi gồm có:**

- a. Lý lịch thiết bị theo mẫu qui định.  
b. Văn bản xác nhận việc lắp đặt thiết bị đã được tiến hành đúng thiết kế, phù hợp với qui định qui phạm.  
c. Các qui trình vận hành, xử lý sự cố và các biên bản khám nghiệm của thanh tra nồi

hơi xác nhân chất lượng chế tạo và lắp đặt.

d. Cả a,b và c đều đúng [<br>]

**Câu 158: Chọn câu sai: Việc chuẩn bị vận hành và vận hành lò hơi cần phải thực hiện các công việc nào sau đây:**

- a. Chuẩn bị các dụng cụ cần thiết để vận hành. Kiểm tra các thiết bị phụ.
- b. Kiểm tra lại thiết bị, kiểm tra lại các thiết bị an toàn và đo kiểm tra của thiết bị.
- c. Cắm sửa chữa các bộ phận của thiết bị áp lực khi đang vận hành.

d. Cả a,b,c đều sai [<br>]

**Câu 159: Nội dung chính của qui trình xử lý sự cố khi vận hành lò hơi phải nêu rõ được các nội dung nào sau đây:**

- a. Hiện tượng, nguyên nhân, cách xử lý.
- b. Nguyên nhân, cách xử lý.
- c. Hiện tượng và biện pháp xử lý sự cố.
- d. Cả a ,b, c đều đúng [<br>].

**Câu 160: Khám nghiệm định kỳ trong quá trình sử dụng Bình áp lực là:**

- a. 3 năm khám xét toàn bộ 1 lần
- b. 2 năm khám xét toàn bộ 1 lần
- c. 1 năm khám xét toàn bộ 1 lần.
- d. 5 năm khám xét toàn bộ 1 lần [<br>].

## **NÂNG CAO**

**Câu 161: Một số trường hợp phải đình chỉ sự hoạt động của các đối tượng thanh tra nồi hơi:**

- a. Cấm tiếp tục vận hành các nồi hơi đã quá kỳ hạn khám nghiệm ghi trong lý lịch hoặc các biên bản kham nghiệm của cán bộ thanh tra nồi hơi.
- b. Áp suất trong nồi tăng quá mức cho phép và vẫn tiếp tục tăng khi đã chấm dứt các việc làm tăng áp suất.
- c. Cạn nước nghiêm trọng, đầy nước quá mức
- d. Cả a b, c đều đúng [<br>].

**Câu 162: Chọn câu sai: Một số trường hợp phải đình chỉ sự hoạt động của các đối tượng thanh tra nồi hơi:**

- a. Mức nước trong nồi giảm nhanh trong khi bơm vẫn hoạt động.
- b. Một trong hai bơm cấp nước bị hư hỏng khi không có khả năng sửa chữa kịp thời
- c. Các ống thủy, áp kế, van an toàn ngừng hoạt động.
- d. Các bộ phận chịu áp lực của nồi hơi bị phồng, nứt, vỡ [<br>].

**Câu 163: Một số trường hợp phải đình chỉ sự hoạt động của các đối tượng thanh tra bình áp lực:**

- a. Các bình quá hạn kiểm tra định kỳ.
- b. Áp suất trong bình tăng quá mức cho phép mặc dù đã chấm dứt các công việc làm tăng áp suất.
- c. Các bộ phận cơ bản chịu áp lực của thiết bị có hiện tượng nứt phồng, biến dạng, xì hở...
- d. Tất cả đều đúng [<br>].

**Câu 164: Một số trường hợp phải đình chỉ sự hoạt động của các đối tượng thanh tra bình áp lực:**

- a. Khi các nắp, cửa không hoàn hảo, các chi tiết bắt chặt nắp bị hỏng hoặc thiếu.
- b. Khi chất lỏng giảm quá mức cho phép ở các bình có đốt lửa, khí cháy hoặc bằng điện.
- c. Khi xảy ra cháy trực tiếp đe dọa bình đang có áp suất.
- d. Tất cả đều đúng [  
].

**Câu 165: Chọn câu sai: Một số trường hợp phải đình chỉ sự hoạt động của các đối tượng thanh tra bình áp lực:**

- a. Khi các nắp, cửa không hoàn hảo, các chi tiết bắt chặt nắp bị hỏng hoặc thiếu.
- b. Khi xảy ra cháy trực tiếp đe dọa bình đang có áp suất.
- c. Mức nước trong nồi giảm nhanh trong khi bơm vẫn hoạt động.
- d. Các bình quá hạn kiểm tra định kỳ [  
].

## Chương 9 AN TOÀN HÓA CHẤT

### CƠ BẢN

**Câu 166: Các loại hóa chất gây bệnh nghề nghiệp thường là:**

- a. Chì và hợp chất của chì.
- b. Thủy ngân và hợp chất của thủy ngân.
- c. Benzen.
- d. Tất cả đều đúng [  
].

**Câu 167: Đường xâm nhập của hóa chất vào cơ thể con người thường là đường nào sau đây:**

- a. Đường hô hấp.
- b. Hấp thụ qua da.
- c. Đường tiêu hóa.
- d. Tất cả đều đúng [  
].

**Câu 168: Các yếu tố nào sau đây có thể làm tăng nguy cơ bị nhiễm độc:**

- a. Nhiệt độ cao.
- b. Độ ẩm không khí tăng.
- c. Khi lao động thể lực với cường độ quá sức.
- d. Tất cả đều đúng [  
].

**Câu 169: Chọn câu sai: Tác động kích thích của hóa chất đối với cơ thể thường gây:**

- a. Kích thích đối với da.
- b. Kích thích đối với đường hô hấp.
- c. Gây mê và gây tê.
- d. Kích thích đối với mắt. [  
].

**Câu 170: Hóa chất thường gây tác hại tới hệ thống các cơ quan của cơ thể:**

- a. Gây tác hại cho thận.
- b. Gây tác hại cho hệ thần kinh.
- c. Bệnh bụi phổi.
- d. Tất cả đều đúng [  
].

**Câu 171: Biện pháp cơ bản phòng ngừa tác hại của hóa chất thường là biện pháp nào sau đây:**

- a. Hạn chế hoặc thay thế hóa chất độc hại.
- b. Che chắn hoặc cách ly nguồn phát sinh hóa chất nguy hiểm, Thông gió.
- c. Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động nhằm ngăn ngừa việc tiếp xúc trực tiếp với hóa chất.
- d. Tất cả đều đúng [  
].

**Câu 172: Chọn câu sai: Khi doanh nghiệp sử dụng hóa chất thì phải cam kết các vấn đề nào sau đây :**

- a. Quy trình an toàn cho quá trình sản xuất, bảo quản, vận chuyển, sử dụng và loại bỏ những hóa chất độc hại
- b. Người lao động nhận được đầy đủ thông tin về hóa chất nguy hiểm khi tiếp xúc và được đào tạo huấn luyện những biện pháp thích hợp an toàn và cần thiết.



- c. Quy trình xử lý rò rỉ hoặc tràn đổ hóa chất tại nơi làm việc.
- d. Trước khi sử dụng một hóa chất mới thì các thông tin về hóa chất này (đặc biệt về tính nguy hiểm, giá trị kinh tế và khả năng thay thế nó) [  
].

**Câu 173: Mặt nạ phòng độc được phân thành bao nhiêu nhóm:**

- a. 2 nhóm.
- b. 3 nhóm.
- c. 4 nhóm.
- d. 6 nhóm [  
].

**Câu 174: Vệ sinh cá nhân nhằm giữ cho cơ thể tránh tiếp xúc với hóa chất qua các con đường nào sau đây:**

- a. Tránh nhiễm độc qua da.
- b. Qua đường hô hấp.
- c. Qua đường tiêu hóa.
- d. Tất cả đều đúng [  
].

**Câu 175: Chọn câu sai: Lợi ích chính của công tác kiểm toán giảm thiểu chất thải là:**

- a. Giảm tổn hại tiềm ẩn do sản xuất gây ra cho môi trường.
- b. Giảm trách nhiệm pháp lý trong tương lai.
- c. Giảm lợi nhuận.
- d. Bảo vệ sức khỏe của cộng đồng dân cư và người lao động, đảm bảo an toàn và bảo vệ môi trường [  
].

**Câu 176: Các phương pháp xử lý chất thải thông dụng thường dùng phương pháp nào sau đây:**

- a. Phương pháp hấp thụ bằng than hoạt tính.
- b. Phương pháp thổi khí.
- c. Phương pháp xử lý sinh học.
- d. Tất cả đều đúng [  
].

**Câu 177: Các phương pháp xử lý hơi, khí độc hại trong khí thải công nghiệp thường dùng phương pháp nào sau đây:**

- a. Hấp thụ (nhờ chất lỏng), hấp phụ (nhờ chất rắn xốp).
- b. Sinh hóa vi sinh và pha loãng.
- c. Thiêu hủy nhờ nhiệt, ngưng tụ.
- d. Tất cả đều đúng [  
].

**Câu 178: Nguyên tắc chung của việc kiểm soát quy trình làm việc với hóa chất thường là các vấn đề nào sau đây:**

- a. Người sử dụng lao động cung cấp đầy đủ thông tin, chỉ dẫn, đào tạo, huấn luyện và phương tiện bảo hộ lao động phù hợp với công việc cho người lao động.
- b. Xây dựng và thực hiện quy trình an toàn trong thiết kế, lắp đặt, chạy thử, sản xuất, sử dụng, bảo dưỡng trang thiết bị làm việc với hóa chất độc hại cũng như trong việc vận chuyển và hủy bỏ chúng.
- c. Cả a và b đều đúng
- d. Cả a và b đều sai [  
].

**Câu 179: Chọn câu sai: Người sử dụng lao động cung cấp đầy đủ thông tin gì cho người lao động làm việc với hóa chất:**

- a. Cần chỉ dẫn, đào tạo, huấn luyện.
- b. Cung cấp phương tiện bảo hộ lao động phù hợp với công việc cho người lao động.
- c. Thực hiện quy trình an toàn trong thiết kế, lắp đặt, chạy thử.
- d. Tất cả đều đúng [  
].

**Câu 180: Việc xử lý các chất thải xuất phát từ việc nào được coi là đầu tiên:**

- a. Lấy mẫu phân tích.

- b. Hiểu nguồn gốc và ảnh hưởng của nó tới môi trường.
- c. Xác định lượng chất thải và lựa chọn biện pháp xử lý thích hợp bảo đảm yêu cầu vệ sinh công nghiệp theo định chế Quốc tế và Việt Nam về bảo vệ môi trường.
- d. Kinh phí đầu tư cho phép [  
].

## Chương 10

### KỸ THUẬT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY

#### CƠ BẢN

**Câu 181: Theo định nghĩa cổ điển nhất thì quá trình cháy là phản ứng hóa học kèm theo hiện tượng:**

- a. Tỏa rất nhiều nhiệt lượng nên luôn kèm theo sự phát sáng.
- b. Tỏa nhiệt nhưng không phát sáng.
- c. Cả a và b đúng.
- d. Cả a và b sai [  
].

**Câu 182: Than cháy trong không khí thì than là:**

- a. Chất oxy hóa.
- b. Chất khử.
- c. Cả a và b đúng.
- d. Cả a và b sai [  
].

**Câu 183: Tốc độ lan truyền ngọn lửa trong quá trình cháy được xem là bình thường:**

- a.  $15 \div 35$  m/giây.
- b.  $U > 35$  m/giây.
- c.  $U > 55$  m/giây.
- d.  $U < 15$  m/giây [  
].

**Câu 184: Chọn câu đúng: Điều kiện cần thiết cho quá trình cháy:**

- a. Chất cháy, chất oxy hóa và môi bắt cháy (nguồn nhiệt).
- b. Nhiệt độ chớp cháy, nhiệt độ bốc cháy, nhiệt độ tự bốc cháy.
- c. Thời gian cảm ứng của quá trình tự bốc cháy.
- d. Tất cả đều đúng [  
].

**Câu 185: Một đám cháy xuất hiện cần có các yếu tố nào sau đây:**

- a. Chất cháy, chất oxy hóa.
- b. Chất oxy hóa, môi bắt cháy.
- c. Chất cháy, chất oxy hóa với tỷ lệ xác định giữa chúng với môi cháy.
- d. Tất cả đều đúng [  
].

**Câu 186: Nguyên nhân gây ra cháy nổ trực tiếp do hiện tượng tĩnh điện là:**

- a. Do sự ma sát giữa các vật thể.
- b. Do chập mạch điện.
- c. Do sét đánh.
- d. Tất cả đều đúng [  
].

**Câu 187: Các biện pháp quản lý phòng chống cháy, nổ ở các cơ sở thường là:**

- a. Biện pháp kỹ thuật công nghệ.
- b. Biện pháp tổ chức.
- c. Cả a và b đúng.
- d. Cả a và b sai [  
].

**Câu 188: Nguyên lý chống cháy, nổ thường là các nội dung nào sau đây:**

- a. Hạ thấp tốc độ cháy của vật liệu đang cháy tới mức tối thiểu.
- b. Phân tán nhanh nhiệt lượng của đám cháy.
- c. Cả a và b đúng.
- d. Cả a và b sai [  
].

**Câu 189: Thực tế có thể sử dụng các giải pháp phòng chống cháy nổ nào sau đây**

- a. Hạn chế khối lượng của chất cháy (hoặc chất ôxy hóa).
- b. Ngăn cách sự tiếp xúc của chất cháy và chất ôxy hóa.
- c. Các thiết bị khi khởi động có thể sinh tia lửa điện phải được đặt trong một khu vực riêng cách ly với khu vực sản xuất.
- d. Tất cả đều đúng [  
].

**Câu 190: Thực tế phòng chống cháy nổ các thiết bị có khả năng sinh tĩnh điện phải được:**

- a. Che chắn tốt
- b. Nối đất.
- c. Cả a và b đúng.
- d. Cả a và b sai [  
].

**Câu 191: Một đám cháy đang diễn ra, muốn dập tắt nó ta cần phải làm gì:**

- a. Làm loãng nồng độ chất cháy và chất ôxy hóa.
- b. Ngăn cản sự tiếp xúc của chất cháy với ôxy.
- c. Làm lạnh vùng cháy đến nhiệt độ thấp hơn nhiệt độ cháy của vật liệu.
- d. Tất cả đều đúng [  
].

**Câu 192: Các chất chữa cháy cần phải có các yêu cầu cơ bản nào sau đây:**

- a. Có hiệu quả chữa cháy cao.
- b. Dễ kiểm và rẻ, không gây độc hại đối với người khi sử dụng, bảo quản.
- c. Không làm hư hỏng thiết bị cứu chữa và các thiết bị, đồ vật được cứu chữa.
- d. Tất cả đều đúng [  
].

**Câu 193: Các chất chữa cháy mà chúng ta thường sử dụng loại nào sau đây:**

- a. Nước, hơi nước.
- b. Bột chữa cháy.
- c. Bột chữa cháy.
- d. Tất cả đều đúng [  
].

**Câu 194: Dùng chất chữa cháy nào sau đây làm nhiệt độ đám cháy giảm nhanh và pha loãng nồng độ chất cháy, hạn chế sự thâm nhập của ôxy vào vùng cháy:**

- a. Nước.
- b. Bụi nước.
- c. Bột chữa cháy
- d. Bột chữa cháy [  
].

**Câu 195: Bột hóa học thường được sử dụng để chữa cháy:**

- a. Xăng dầu hay các chất lỏng khác
- b. Nhiên liệu rắn.
- c. Chữa cháy kim loại, chất rắn và chất lỏng.
- d. Tất cả a,b,c đều đúng. [  
].

## **NÂNG CAO**

**Câu 196: Để chữa cháy kim loại, các chất rắn và chất lỏng ta dùng loại chất chữa cháy nào sau đây :**

- a. Nước.
- b. Các hợp chất halogen.
- c. Bột chữa cháy
- d. Bột chữa cháy [  
].

**Câu 197: Các phương tiện, trang bị chữa cháy tại chỗ thường là loại nào sau đây:**

- a. Bình bột, bình CO<sub>2</sub>, bình bột.
- b. Cát, xẻng, thùng, xô đựng nước, câu liềm...
- c. Bơm, bơm tay...
- d. Tất cả đều đúng [  
].

**Câu 198: Xe chữa cháy chuyên dụng được trang bị cho đơn vị nào sau đây :**

- a. Các đội chữa cháy chuyên nghiệp của thành phố hoặc quận (thị xã).
- b. Các đội chữa cháy chuyên nghiệp của phường (xã).
- c. Các đội chữa cháy chuyên nghiệp của bộ công an.

d. Tất cả đều đúng [  
].

Câu 199: Để chọn lựa loại bình chữa cháy bằng khí CO<sub>2</sub> cho phù hợp, trên các bình ghi các chữ cái A là chữa cháy gì :

- a. Chữa chất cháy rắn.
- b. Chữa chất lỏng cháy
- c. Chữa chất khí cháy.
- d. Chữa cháy điện[  
].

Câu 200: Tất cả các loại bình chữa cháy đã mô tả cần được bảo quản ở nơi nào sau đây:

- a. Ở nơi mát, dễ thấy và dễ lấy.
- b. Để tránh xa nơi có axit và kiềm ăn mòn van và vỏ bình
- c. Cả a và b đều đúng.
- d. Cả a và b đều sai. [  
].

## Chương 11

### KỸ THUẬT AN TOÀN KHI HÀN VÀ CẮT KIM LOẠI

#### CƠ BẢN

Câu 201: Để đảm bảo an toàn khi hàn hồ quang tay ta cần chú ý các kỹ thuật an toàn nào sau đây:

- a. Kỹ thuật an toàn nhằm tránh những ánh sáng do hồ quang phát ra và những kim loại nóng chảy bắn ra.
- b. Kỹ thuật an toàn nhằm tránh bị điện giật.
- c. Kỹ thuật an toàn phòng nổ, phòng trúng độc.
- d. Cả a,b và c đều đúng. [  
].

Câu 202: Để tránh những tia sáng hồ quang ảnh hưởng tới sức khỏe của những người làm việc xung quanh chúng ta cần phải làm gì ?

- a. Lúc làm việc cần phải trang bị đầy đủ dụng cụ lao động.
- b. Xung quanh nơi làm việc không được để những chất dễ cháy hoặc dễ nổ.
- c. Trước khi môi hồ quang phải quan sát bên cạnh, xung quanh nơi làm việc tốt nhất là nên để những tấm che chắn.
- d. Tất cả đều đúng. [  
].

Câu 203: Để phòng chống cháy nổ khi hàn ta cần phải chú ý các biện pháp nào sau đây:

- a. Thực hiện tốt các biện pháp an toàn điện.
- b. Khi làm việc trên cao phải để những tấm sắt lót ở dưới vật hàn, tránh cho kim loại nhỏ giọt xuống. Không được để những chất dễ cháy hoặc dễ nổ trong khu vực hàn.
- c. Xung quanh nơi làm việc tốt nhất là nên để những tấm che chắn khi hàn.
- d. Tất cả đều đúng. [  
].

Câu 204: Để đảm bảo an toàn cho người thợ hàn chúng ta cần phải làm gì:

- a. Lúc làm việc cần phải trang bị đầy đủ dụng cụ lao động.
- b. Xung quanh nơi làm việc tốt nhất là nên để những tấm che chắn.
- c. Cả a và b đều đúng.
- d. Cả a và b đều sai. [  
].

Câu 205: Khi công nhân hàn đang làm việc phải hết sức tránh bị điện giật. Do đó, trong quá

trình thao tác phải có những biện pháp sau đây:

- a. Vỏ ngoài của máy hàn và cầu dao phải tiếp đất tốt.
- b. Tất cả những dây dẫn dùng để hàn phải được cách điện tốt.
- c. Tay cầm của kìm hàn, găng tay, quần áo làm việc và giày phải khô ráo.
- d. Tất cả đều đúng. [  
].

**Câu 206: Khi mở và đóng cầu dao điện ta cần chú ý các biện pháp nào sau đây:**

- a. Nên đeo găng tay khô, nghiêng đầu về một bên để tránh tình trạng bị bỏng do tia lửa điện gây nên lúc mở và đóng cầu dao
- b. Phải đi giày cao su hoặc dùng tấm gỗ khô để lót dưới chân.
- c. Vỏ ngoài của máy và cầu dao phải tiếp đất tốt
- d. Tất cả đều đúng. [  
].

**Câu 207: Nếu thấy có người bị điện giật bước đầu tiên chúng ta phải:**

- a. Chạy đi gọi người tới cứu chữa.
- b. Cắm dùng tay để kéo người bị giật ra khỏi nguồn điện.
- c. Ngắt nguồn điện hoặc tách người bị giật ra khỏi nguồn điện.
- d. Tất cả đều đúng. [  
].

**Câu 208: Khi làm việc ở trong ống tròn và những vật đựng bằng kim loại chúng ta phải làm gì để an toàn :**

- a. Đi giày cao su hoặc dùng tấm gỗ khô để lót dưới chân.
- b. Phải đệm những tấm cách điện ở dưới chân và những vị trí mà thân thể dễ tiếp xúc với vật hàn.
- c. Cả a và b đều đúng.
- d. Cả a và b đều sai. [  
].

**Câu 209: Khi hàn những kim loại màu người thợ hàn phải chú ý biện pháp an toàn nào sau đây:**

- a. Chỗ làm công việc hàn phải được thông gió tốt.
- b. Phải cọ rửa sạch và để khô, sau đó mới hàn.
- c. Phải đeo kính trắng để phòng xỉ hàn bắn vào mắt gây tai nạn.
- d. Tất cả đều đúng. [  
].

**Câu 210: Khi làm việc trong nồi hơi hoặc trong những thùng lớn thì qua một thời gian nhất định phải:**

- a. Ra ngoài để hô hấp không khí mới.
- b. Được thông gió tốt.
- c. Đeo kính trắng để phòng xỉ hàn bắn vào mắt gây tai nạn.
- d. Tất cả đều đúng. [  
].

**Câu 211: Kỹ thuật an toàn đối với máy sinh khí axetylen khi bắt đầu khởi động là:**

- a. Phải xả hết không khí chứa sẵn trong máy ra ngoài đến khi người thấy mùi axetylen mới thôi.
- b. Không được để bã đất đèn ngay ở chỗ đặt máy sinh khí.
- c. Không được dùng máy sinh khí quá năng suất qui định
- d. Tất cả đều đúng. [  
].

**Câu 212: Trong quá trình vận hành, phải đảm bảo những yêu cầu sau đây đối với bình nước**

**ngăn lửa tắt lại:**

- a. Nước trong bình lúc nào cũng phải ngang với mức kiểm tra.
- b. Mỗi ca phải kiểm tra mức nước hai lần.
- c. Mỗi khi ngừng tiêu thụ khí, phải đóng chặt van.
- d. Tất cả đều đúng. [  
].

**Câu 213: Chọn câu sai : Kỹ thuật an toàn đối với máy sinh khí axetylen là phải :**

- a. Dùng máy sinh khí quá năng suất qui định.
- b. Mỗi tuần phải kiểm tra một lần những phần nổi của máy sinh khí.
- c. Không được để bã đất đèn ngay ở chỗ đặt máy sinh khí.
- d. Cấm dùng lửa, hút thuốc... ở nơi đặt máy sinh khí và hồ thải bã đất đèn. [  
].

**Câu 214: Chọn câu sai: Công nhân hàn phải đình chỉ vận hành máy sinh khí axetylen trong các trường hợp sau đây:**

- a. Áp kế không tốt.
- b. Nắp an toàn và bình ngăn lửa tắt lại tốt.
- c. Những phần chính của máy có những đường nứt, phòng, chảy nước, xì hơi hoặc thành bị gỉ mòn quá mức v.
- d. Các nắp cửa không tốt hoặc không có đủ các chi tiết bắt chặt. [  
].

**Câu 215: Kỹ thuật an toàn đối với đất đèn là phải:**

- a. Đất đèn phải được bảo quản trong những nhà cao ráo, tránh mưa hắt.
- b. Nhà chứa đất đèn phải có đầy đủ các phương tiện chữa cháy.
- c. Khi vận chuyển đất đèn, phải thật nhẹ nhàng tránh va chạm.
- d. Tất cả đều đúng. [  
].

## **NÂNG CAO**

**Câu 216: Chọn câu sai: Kỹ thuật an toàn đối với bình oxy là phải:**

- a. Bình chứa đầy oxy phải để cách xa ngọn lửa trần ít nhất 15 mét
- b. Không được để các chai oxy ở gần dầu mỡ, các chất cháy và các chất dễ bắt lửa.
- c. Khi vận chuyển các chai oxy, phải thật nhẹ nhàng, tránh va chạm mạnh.
- d. Mở van khóa phải nhẹ nhàng để tránh hiện tượng cháy nổ chai oxy do mở van quá nhanh. [  
].

**Câu 217: Khi lắp van giảm áp ta cần phải làm các biện pháp an toàn nào sau đây:**

- a. Phải khê mở van khóa để thổi hết bụi bẩn nằm trên đường dẫn khí.
- b. Mở van khóa phải nhẹ nhàng để tránh hiện tượng cháy nổ chai oxy do mở van quá nhanh.
- c. Sau khi lắp van giảm áp, cần phải mở van khóa thật từ từ để tránh làm hỏng màng của van giảm áp
- d. Tất cả đều đúng. [  
].

**Câu 218: Chọn câu sai: Kỹ thuật an toàn đối với van giảm áp là phải:**

- a. Van giảm áp của loại khí nào chỉ được phép dùng riêng cho loại khí đó.
- b. Trước khi lắp van giảm áp, phải kiểm tra xem ống nhánh trên van khóa của bình oxy có dầu mỡ và bụi bẩn không.
- c. Khi ngừng hàn hoặc cắt trong một thời gian ngắn, phải đóng kín các van khóa trên

nguồn cung cấp khí.

d. Hàng ngày phải dùng nước xà phòng bôi trên các phần nổi của van để kiểm tra xem van có hở không. [<br>].

**Câu 219: Khi mở thùng đất đèn, phải luôn luôn chú ý điều gì:**

- a. Cấm dùng những dụng cụ bằng thép và những vật khác có thể nảy ra tia lửa trong khi va chạm.
- b. Trong thùng có thể có hỗn hợp khí axêtylen và không khí mang tính nổ.
- c. Sau khi mở thùng để lấy đất đèn ra, phải dùng nắp có đệm cao su đậy kín như cũ.
- d. Tất cả đều đúng. [<br>].

**Câu 220: Chọn câu sai: Kỹ thuật an toàn đối với bình oxy là:**

- a. Van giảm áp của loại khí nào chỉ được phép dùng riêng cho loại khí đó.
- b. Khi vận chuyển các chai oxy, phải thật nhẹ nhàng, tránh va chạm mạnh.
- c. Không được để các chai oxy ở gần dầu mỡ, các chất cháy và các chất dễ bắt lửa.
- d. Bình chứa đầy oxy phải để cách xa ngọn lửa trần ít nhất 5 mét [<br>].

## Chương 12

### KỸ THUẬT AN TOÀN ĐỐI VỚI MÁY CÔNG CỤ

#### CƠ BẢN

**Câu 221: Chọn câu sai: Lắp đặt máy mài 2 đá ta cần tuân theo các qui định nào sau đây:**

- a. Phải được bố trí tại một phòng riêng.
- b. Phải đặt xa các máy chính xác.
- c. Bố trí vị trí đứng thao tác máy của người thợ để ánh sáng tự nhiên đi thẳng vào mắt
- d. Phải cách đường đi lại tối thiểu 2 m, hướng của đá phải quay vào tường. [<br>].

**Câu 222: Chọn câu sai: Trong quá trình lắp đá mài cần phải đảm bảo các yêu cầu nào sau đây:**

- a. Trong quá trình lắp dùng búa thép để điều chỉnh đá, không cho phép dùng búa gỗ để điều chỉnh.
- b. Các đai ốc lắp đầu trục đá phải đảm bảo không tự tháo lỏng trong quá trình máy làm việc.
- c. Đá phải được lắp chính xác, đảm bảo độ đồng tâm giữa trục và lỗ đá, giữa trục và lỗ đá phải có khe hở để đảm bảo bù trừ sự giãn nở về nhiệt của trục đá.
- d. Hai bên đá phải có bích kẹp, các bích kẹp phải có chiều dày và đường kính bằng nhau, bề mặt của bích phải bằng phẳng [<br>].

**Câu 223: Khi sử dụng máy mài 2 đá ta cần chú ý các yêu cầu an toàn nào sau đây:**

- a. Trước khi mở máy phải kiểm tra máy, điều chỉnh cỡ tỳ đảm bảo các khoảng cách qui định rồi cho máy chạy không tải 5 phút.
- b. Tuyệt đối không sử dụng máy mài 2 đá khi không có bộ phận an toàn như hộp bao che đá, cỡ tỳ và máy chưa được nối đất bảo vệ.
- c. Không mài các chi tiết quá lớn, chi tiết hoặc sắt tấm sau khi hàn cắt bằng công nghệ hàn mà chưa được làm sạch.
- d. Cả a,b và c đều đúng. [<br>].

**Câu 224: Chọn câu sai: Khi sử dụng máy mài 2 đá ta cần chú ý các yêu cầu an toàn nào sau**



đây:

- a. Ngừng máy kịp thời khi phát hiện thấy các biểu hiện khác thường để kiểm tra.
- b. Đá mài mòn đến dưới độ cho phép phải thay thế đá mới (phần còn lại nhỏ hơn 3mm tính từ mép mặt bích trở lên).
- c. Không được mài ở mặt đầu đá, khi mài phải cho vật mài tiếp xúc với mặt trụ đá một cách từ từ.
- d. Khe hở từ mép đá đến mép cũ từ 5mm [  
].

**Câu 225: Để đảm bảo an toàn khi sử dụng máy mài 2 đá ta cần chú ý các kỹ thuật an toàn nào sau đây:**

- a. Cần phải được sắp xếp gọn gàng, sạch sẽ, thoáng khí, đủ ánh sáng.
- b. Cần phải có thiết bị hút bụi, thông gió, để tránh độc hại do hạt mài gây ra.
- c. Máy mài phải có đầy đủ các bộ phận che chắn.
- d. Cả a,b và c đều đúng. [  
].

**Câu 226: Trước khi mài dao kiểm tra độ hở giữa bệ tỳ và mặt làm việc của đá trong khoảng:**

- a.  $L = < 3\text{mm}$ .
- b.  $L = 3 \div 5\text{mm}$ .
- c.  $L = 5 \div 8\text{mm}$ .
- d.  $L = 8 \div 12\text{mm}$ . [  
].

**Câu 227: Sau khi lắp đá lên máy phải sửa đá và cho tiến hành chạy thử không tải trong chờ gian bao lâu:**

- a. 10 ÷ 20 phút.
- b. 20 ÷ 30 phút.
- c. 30 ÷ 40 phút.
- d. 50 ÷ 60 phút [  
].

**Câu 228: Trong thời gian làm việc trên máy mài chúng ta cần phải làm gì:**

- a. Khi mài phải lắp kính an toàn và bảo hiểm, phải mặc quần áo bảo hộ lao động có đủ mũ, giày, kính bảo vệ mắt.
- b. Khi thao tác ở máy mài, phải chú ý đứng lệch sang một bên so với hướng của đá để đề phòng tai nạn.
- c. Khi đo và kiểm tra vật mài phải tắt hẳn máy.
- d. Tất cả đều đúng. [  
].

**Câu 229: Sau khi làm việc phải có những công việc nào sau đây:**

- a. Phải tắt động cơ điện, tắt cầu dao tổng.
- b. Thu dọn và sắp xếp lại vị trí làm việc, lau chùi và bôi trơn cho máy.
- c. Quét dọn sạch sẽ và sắp xếp gọn gàng các chi tiết, phôi vào đúng nơi qui định.
- d. Tất cả đều đúng. [  
].

**Câu 230: Chọn câu sai: Trước khi làm việc người thợ tiện phải tuân theo các qui tắc an toàn sau đây :**

- a. Kiểm tra máy, bảo đảm máy làm việc tốt.
- b. Dụng cụ cắt phải gá đúng vị trí và chắc chắn, khi gá dùng số căn đệm ít nhất.
- c. Sắp xếp lại vị trí làm việc, thu dọn những vật thừa ở trên máy và xung quanh vị trí làm việc.
- d. Nếu máy và thiết bị điện có hỏng hóc thì tự sửa xong mới được làm việc. [  
].

**Câu 231: Chọn câu sai: Trong khi tiện chúng ta cần phải:**

- a. Đeo găng tay hoặc bao tay khi làm việc.

- b. Không để dung dịch làm nguội hoặc dầu bôi trơn đổ ra bụi đứng và nền nhà xung quanh chỗ làm việc.
- c. Không tỳ khuỷu tay vào máy khi làm việc.
- d. Không dùng tay để hãm mâm cặp hoặc phôi [

**Câu 232: Trong khi tiện chúng ta cần phải :**

- a. Sử dụng nắp che an toàn cho mâm cặp.
- b. Không thu dọn phôi khi máy đang làm việc.
- c. Không đo bằng dụng cụ đo vạn năng hoặc bằng calip khi máy còn đang chạy.
- d. Tất cả đều đúng. [

**Câu 233: Chọn câu sai: Khi tiện sử dụng mũi chống tâm ụ sau loại cổ định phải.**

- b. Cho đầy mỡ vào lỗ tâm của phôi.
- b. Định kỳ kiểm tra xem mũi tâm có bị trượt ra khỏi lỗ tâm không.
- c. Làm việc với tần số quay  $n > 150$  vòng/phút khi dùng mũi tâm cố định.
- d. Chỉ làm việc khi các dụng cụ cắt đảm bảo chất lượng (không nứt, xước, vỡ) [

**Câu 234: Khi lắp dao nặng (từ 3kg đến 8kg) trên máy phay đứng cần phải theo trình tự nào sau đây :**

- a. Đặt dao phay xuống tấn gỗ (tám gỗ nằm trên bàn máy), cán dao quay lên phía trên.
- b. Dịch bàn máy để đưa dao tới dưới trục chính, nâng bàn máy lên.
- c. Lựa cho chuôi dao ăn vào lỗ của trục chính, Kẹp chặt dao.
- d. Tất cả đều đúng. [

**Câu 235: Các đồ gá vạn năng lớn như đầu chia độ, mỏ kẹp máy v.v... thường được đặt ở :**

- a. Đặt cố định ở nơi làm việc
- b. Bảo quản trong tủ hay trên các giá riêng.
- c. Cả a và b đều đúng.
- d. Cả a và b đều sai. [

**Câu 236: Nếu thiếu bộ phận nào sau đây thì không được phép làm việc trên máy phay:**

- a. Cơ cấu che chắn vùng cắt.
- b. Các đồ gá vạn năng lớn như đầu chia độ.
- c. Đòn kẹp và hàm kẹp phôi.
- d. Tất cả đều đúng. [

**Câu 237: Kỹ thuật an toàn trực tiếp gắn liền với quá trình sản xuất là:**

- a. Kỹ luật công nghệ.
- b. Thực hiện các qui tắc kỹ thuật sử dụng máy.
- c. Giữ gìn kỷ luật lao động chặt chẽ.
- d. Tất cả đều đúng. [

**Câu 238: Trước khi bắt đầu công việc phay người công nhân cần chuẩn bị các công việc nào sau đây :**

- a. Kiểm tra tình trạng của máy và dây nối đất, tra dầu cho máy theo sách chỉ dẫn.
- b. Làm quen với tài liệu kỹ thuật: tài liệu thiết kế và công nghệ của công việc
- c. Chuẩn bị chỗ làm việc, kiểm tra dụng cụ và đồ gá đã đủ và tốt không.
- d. Tất cả đều đúng. [

**Câu 239: Chọn câu sai : Trong quá trình làm việc trên máy phay người công nhân cần tuân thủ theo các yêu cầu nào sau đây:**

- a. Cho máy làm việc đúng chế độ đã định.
- b. Không được đo và gạt phôi trong khi máy đang làm việc.

- c. Làm quen với tài liệu kỹ thuật: tài liệu thiết kế và công nghệ của công việc
- d. Chú ý tưới đều đặn dung dịch trơn nguội vào vùng cắt [  
].

**Câu 240: Chọn câu sai: Phải tắt máy trong các trường hợp:**

- a. Khi công nhân đi khỏi máy (dù chốc lát), lúc mất điện.
- b. Khi thu dọn và tra dầu cho máy, lúc gá và đo chi tiết gia công.
- c. Khi máy quay ngược chiều đã xác định.
- d. Khi dụng cụ cắt và đồ gá chưa được kẹp chặt vững chắc [  
].

## **NÂNG CAO**

**Câu 241: Chọn câu sai: Nếu máy làm hai, ba ca trên cùng một sản phẩm thì người công nhân phải:**

- a. Bàn giao máy cho người làm tiếp theo.
- b. Thông báo cho người làm tiếp theo mình và thợ cả biết những nhược điểm của máy trong khi làm việc.
- c. Tắt máy, tháo sản phẩm đang gia công, lau chùi máy, còn dụng cụ thì xếp vào tủ.
- d. Giải thích cho người công nhân tiếp biết nhiệm vụ sản xuất của ca sau [  
].

**Câu 242: Chọn câu sai: Trước khi làm việc trên máy bào ta cần phải làm gì:**

- a. Kiểm tra máy, kiểm tra các cơ cấu của máy, các cơ cấu đổi tốc độ và đổi chuyển động chạy dao. Cần phải tránh hiện tượng máy tự bật công tắc.
- b. Mở hành trình bàn máy hoặc đầu bào trong khi chuyển động chạy dao.
- c. Kiểm tra sự tin cậy của các cơ cấu nâng hạ và của đồ gá kẹp chặt.
- d. Kiểm tra hàng rào chắn và cơ cấu bảo hiểm để tránh phoi. [  
].

**Câu 243: Trước khi làm việc trên máy bào ta cần phải làm gì:**

- a. Kiểm tra độ cứng vững kẹp chặt dao bào và chi tiết gia công.
- b. Sử dụng quần áo bảo hộ, đầu tóc gọn gàng.
- c. Kiểm tra hàng rào chắn và cơ cấu bảo hiểm để tránh phoi.
- d. Tất cả đều đúng. [  
].

**Câu 244: Chọn câu sai: Trong khi làm việc trên máy bào người thợ cần chú ý điều gì:**

- a. Không mở hành trình bàn máy hoặc đầu bào trước khi ngắt chuyển động chạy dao.
- b. Trước khi mở máy, phải chú ý xem có nguy hiểm gì cho người xung quanh hay không?.
- c. Không đưa tay vào vùng chuyển động của đầu bào và không để tay vào giá dao.
- d. Nếu có hỏng hóc phải sửa chữa kịp thời.[  
].

**Câu 245: Trong khi làm việc trên máy bào người thợ cần chú ý điều gì:**

- a. Khi máy bào giường đang làm việc, không được chống khuỷu tay lên bàn máy.
- b. Lấy phoi ra khỏi bàn máy bằng chổi hoặc bằng bàn chải chuyên dùng.
- c. Xiết lại bulon, đai ốc kẹp chặt chi tiết, đo chi tiết lúc máy đang đứng.
- d. Cả a,b và c đều đúng [  
].

**Câu 246: Sau khi làm việc trên máy bào người thợ cần chú ý điều gì:**

- a. Phải tắt động cơ điện. Thu dọn và sắp xếp gọn gàng các chi tiết và phôi vào đúng nơi qui định, lau chùi và bôi trơn cho máy..
- b. Lấy phoi ra khỏi bàn máy bằng chổi hoặc bằng bàn chải chuyên dùng.

c. Xiết lại bulon, đai ốc kẹp chặt chi tiết, đo chi tiết lúc máy đang đứng.

d. Cả a,b và c đều đúng [  
].

**Câu 247: Thường xuyên cải thiện điều kiện làm việc chúng ta cần phải làm gì:**

a. Đảm bảo an toàn thân thể người lao động.

b. Huấn luyện và nâng cao kiến thức về bảo hộ lao động.

c. Sử dụng các thiết bị an toàn, các phương tiện an toàn và vệ sinh cho người lao động

d. Bồi dưỡng phục hồi kịp thời và duy trì sức khỏe cho người lao động[  
].

**Câu 248: Trang bị phòng hộ cá nhân được chia làm các nhóm nào sau đây:**

a Bảo vệ mắt, bảo vệ cơ quan hô hấp.

b. Bảo vệ thính giác, bảo vệ đầu.

c Bảo vệ tay chân, bảo vệ thân thể.

d. Cả a,b và c đều đúng [  
].

**Câu 249: Kính bảo vệ mắt không bị tác động do các tia năng lượng thường có tác dụng nào sau đây:**

a Lọc ánh sáng, làm giảm độ sáng chói.

b. Bảo vệ mắt không bị bức xạ của tia tử ngoại.

c Bảo vệ mắt không bị nung nóng của tia hồng ngoại.

d. Cả a,b và c đều đúng [  
].

**Câu 250: Biện pháp hữu hiệu nhất để tránh tai nạn lao động gây thiệt hại cho sản xuất là :**

a. Huấn luyện và nâng cao kiến thức về bảo hộ lao động. Thường xuyên giáo dục an toàn lao động, phòng cháy nổ, vệ sinh công nghiệp cho người lao động để có ý thức tự giác.

b. Nghiên cứu xây dựng, ban hành các qui trình, qui phạm, tiêu chuẩn an toàn và vệ sinh công nghiệp (còn gọi là công tác tiêu chuẩn hóa).

c. Tổ chức thi hành qui trình, qui phạm, tiêu chuẩn trong sản xuất và coi việc thực hiện qui trình, qui phạm, tiêu chuẩn là một công việc của sản xuất.

d. Thường xuyên cải thiện điều kiện làm việc, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới, sử dụng các thiết bị an toàn, phương tiện an toàn và vệ sinh cho người lao động.  
[  
].

*Tp. HCM, ngày 09 tháng 09 năm 2011*

Trưởng bộ môn

Giáo viên biên soạn

Đặng Văn Hải

Đặng Văn Hải